

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Công.
2. Bà Phan Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay Ha - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lưu T. D. H. A**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 4G, L T T, tổ 2, phường Đ K, thị xã AP, tỉnh G.

Bị đơn: Anh **Trần T. T. B**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 3, phường H B, thị xã A P, tỉnh G.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/6/2022, bản tự khai lập ngày 09/6/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị A Hòa trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B tự nguyện kết hôn năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H B, thị xã A P, tỉnh G. Quá trình chung sống ban đầu thì hạnh phúc nhưng những năm gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh B đã đánh đập chị vì những nguyên nhân không đáng. Việc mâu thuẫn và đánh đập chị xảy ra nhiều lần làm cho cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng căng thẳng. Hiện chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Trần L T H, sinh ngày 14/9/2008 và Trần L G H, sinh ngày 24/11/2014. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung*: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ tài sản của ai và không ai nợ tài sản của vợ chồng.

Đối với bị đơn anh B: Anh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều văn bản tố tụng khác nhưng đều vắng mặt tại các phiên hòa giải và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị A và anh B.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung là Trần L T H, sinh ngày 14/9/2008 và Trần L G H, sinh ngày 24/11/2014 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Chị A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

XÉT THẤY:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng:

Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung giữa chị và anh B. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh B là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại tổ 3, phường H B, thị xã A P, tỉnh G. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A P, tỉnh G có thẩm quyền giải quyết vụ án. Anh B là bị đơn trong vụ kiện, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Thạch tại phiên tòa theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hai người tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 04 năm 2008 tại

UBND phường H B, thị xã A P, tỉnh G. Theo chị Hiền khai thì quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh B đã đánh đập chị nhiều lần dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng căng thẳng.

Khi giải quyết vụ án, anh B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng anh B không hợp tác, không chấp hành việc triệu tập làm việc của Tòa án. Điều đó chứng tỏ anh B không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, không có ý thức hàn gắn mâu thuẫn giữa vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con cái cho tốt. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị A và anh B tại nơi cư trú thì được biết, khi hai bên xảy ra mâu thuẫn và đánh đập, chị A và anh B không báo cho Tổ hòa giải cơ sở biết để hòa giải nên tổ dân phố không biết để hỗ trợ.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B.

[3] Về việc nuôi con chung:

Xét nguyện vọng nuôi con của chị A là chính đáng, vì chị A trực tiếp nuôi con từ nhỏ. Việc nhận trách nhiệm nuôi 02 con của chị A xuất phát từ tình thương và trách nhiệm với con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt và sự ổn định trong sinh hoạt, học tập của con chung, căn cứ điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần tiếp tục giao cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Trần L T H, sinh ngày 14/9/2008 và Trần L G H, sinh ngày 24/11/2014. Chị A không yêu cầu nên anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ chung: Chị A không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung. Hiện tại không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị A ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần L T H, sinh ngày 14/9/2008 và Trần L G H, sinh ngày 24/11/2014 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Thời gian trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Hòa tính từ ngày hôm nay (21/9/2022) cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể áp dụng mức cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0010392 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A P, tỉnh G. Số tiền này được chuyển thành tiền án phí sung quỹ Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/9/2022) chị A có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn nói trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THA DS thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Toàn